

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 15-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Ánh Hồng.

Ông Dương Phong Ba.

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020, thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 13/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1996 tại Điện Biên; Nơi cư trú: Đội Y, xã H, huyện D, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn H (đã chết) và bà: Lò Thị Ch, sinh năm 1975; Chồng, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019 đến 08/10/2019, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Trần Trung H (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 28 tháng 5 năm 1993. tại huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Số nhà X, khối T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn O, sinh

năm: 1961 và bà: Tô Kim Ph, sinh năm 1962; Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019 đến 08/10/2019, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Lò Văn R (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1994 tại: huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản K, xã C, huyện G, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: nam; tôn giáo Không; quốc tịch Việt Nam; con ông: Lò Văn S, sinh năm 1962 và bà: Lò Thị Th, sinh năm 1961; Vợ, con: bị cáo chưa có; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và xử lý hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2019 đến 08/10/2019, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị T:* Ông Hoàng Tiên Ng - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Trung H do gia đình mời:*

Ông Lê Hồng H - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH H& cộng sự. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Việt C - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH H & cộng sự. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn R:* Bà Lê Thị D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2019, qua Vì Thị N nhà ở xã Y, huyện D giới thiệu Lò Thị T quen biết với một người phụ nữ tên là D, D đặt vấn đề mua ma túy với T, T đặt mua ma túy của Trần Trung H nhà ở G. H chuyển số tiền 40 triệu đồng nhờ Lò Thị H1 nhà ở bản Che Cẩn, xã C, huyện G mua hộ 66 viên ma túy MDMA và 20 chỉ ma túy Ketamine, mua được ma túy H mang về nhà cất giấu và lấy một ít ma túy Ketamine gói lại cất vào ví mang theo người, mục đích để bán. Cũng trong khoảng thời gian này H biết Lò Văn R nhà ở xã C, huyện G mua được của một người đàn ông tên là H2 ở huyện Mường Ảng 05 túi ma túy Methamphetamine gồm 1.000 viên giá 19.600.000 đồng, R nhờ H bán hộ giá 35.000 đồng/01 viên. Ngày 01/10/2019, H thỏa thuận bán ma túy cho T 66 viên MDMA giá 400 nghìn đồng/01 viên; 20 chỉ Ketamine giá 04 triệu đồng/01 chỉ và 1.000 viên Methamphetamine, giá 50 nghìn đồng/01 viên. T thỏa thuận bán cho D 66 viên MDMA giá 500 nghìn đồng/01 viên; 20 chỉ

Ketamine giá 05 triệu đồng/01 chỉ và 1.000 viên Methamphetamine, giá 70 nghìn đồng/01 viên Methamphetamine, các bên thống nhất địa điểm giao dịch mua bán ma túy ở tại thị trấn G.

Khoảng 10 giờ sáng 03/10/2019, T đến thị trấn G mượn xe máy của Nguyễn Thị H4 đi gặp D xem tiền tại đường mới hướng đi Hà Nội và gọi điện cho H bảo H mang ma túy ra bán cho D. H gọi điện cho R mang ma túy ra bán, R cầm ma túy đi xe máy đến nhà trọ của H1 gửi rồi đến gặp H, ngồi trên ô tô của H, R đưa ma túy của R cho H và H cũng giao ma túy của H cho R xem rồi chở R đến phòng tập Gym của H gần khu sân vận động huyện G, đến cổng H cầm toàn bộ ma túy xuống xe khi mở khóa cửa, H đưa ma túy cho R cầm vào quây thu tiền, R đưa ma túy cho H cất vào trong ngăn kéo bàn. Sau đó H lái xe ô tô chở R đến gặp T, chở T và R quay lại khu vực sân vận động huyện G, bảo T và R xuống xe đứng đợi. H lái xe quay lại phòng tập Gym lấy ma túy của H và R bỏ vào hàng ghế phía sau, quay lại đón T ngồi lên ghế phụ và R ngồi ghế phía sau, trên đường đi R cầm 05 túi ma túy Methamphetamine của R đưa cho T, đồng thời T quay lại cầm 03 túi ma túy MDMA; 03 túi ma túy Ketamine của H để vào mũ bảo hiểm của T. Đến chỗ D đang đợi T cầm toàn bộ ma túy của H và R đi bán cho D, còn H lái xe ô tô chở R đi lên phía trước một đoạn đợi lấy tiền. Xuống xe T đang thực hiện giao dịch mua bán ma túy với D và người đàn ông đi cùng D thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R thu giữ gồm: 05 túi ma túy Methamphetamine, khối lượng 95,49 gam; 66 viên ma túy MDMA, khối lượng 25,47 gam; 03 túi ma túy Ketamine, khối lượng 19,72 gam, D và người đàn ông đi cùng lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy thoát. Quá trình bắt giữ thu trên người Trần Trung H một gói ma túy Ketamine, khối lượng 0,23 gam, mục đích để bán.

Tổng khối lượng ma túy các bị cáo đã tham gia mua bán: Lò Thị T; Lò Văn R: 95,49gam Methamphetamine; 25,47 gam MDMA; 19,72 gam Ketamine; Bị cáo Trần Trung H: 95,49 gam Methamphetamine; 25,47 gam MDMA; 19,95 gam Ketamine.

Tại Bản Kết luận giám định số 953/GĐ-PC09 ngày 09/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 05 mẫu viên nén màu hồng, trên một mặt mỗi viên đều dập chìm chữ WY được ký hiệu từ M1 đến M5 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Thị T; Trần Trung H; Lò Văn R gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- 03 mẫu tinh thể màu trắng ký hiệu T1, T2, T3 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Thị T; Trần Trung H; Lò Văn R gửi giám định là chất ma túy loại: Ketamine.

- 03 mẫu viên nén màu hồng, hình lục giác, một mặt có chữ qp được ký hiệu H1, H2, H3 trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R gửi giám định là chất ma túy: loại MDMA.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R gồm: 95,49 gam viên nén màu hồng, trên một mặt mỗi viên đều dập chìm chữ WY; 19,72

gam tinh thể màu trắng và 25,47 gam viên nén màu hồng, hình lục giác, mỗi mặt có chữ qp.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- MDMA nằm trong danh mục các chất ma túy, STT 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản kết luận giám định số 954/GĐ-PC09 ngày 09/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ của Trần Trung H gửi giám định là chất ma túy: Loại ketamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Trần Trung H là 0,23 gam.

- Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT 35, Danh mục III, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-P1 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R để xét xử về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử phạt các bị cáo Lò Thị T 20 năm tù, Lò Văn R 20 năm tù, Trần Trung H 20 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Thị T và Lò Văn R. Buộc bị cáo Trần Trung H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa những người bào chữa cho các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R. Do các bị cáo hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Riêng đối với bị cáo Trần Trung H, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R: Lời khai của bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Hồi 14 giờ 00 phút ngày 03/10/2019, Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tổng khối lượng ma túy các bị cáo đã tham gia mua bán: Lò Thị T; Lò Văn R: 95,49 gam Methamphetamine, 25,47 gam MDMA, 19,72 gam Ketamine; Bị cáo Trần Trung H 95,49 gam Methamphetamine, 25,47 gam MDMA, 19,95 gam Ketamine. Khi các bị cáo đang tham gia mua bán trái phép chất ma túy tại khu vực khối Sơn Thủy, thị trấn G, huyện G, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an huyện D và Công an huyện G phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

[2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R là đặc biệt nghiêm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là do háo hức.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lò Thị T và Lò Văn R là 95,49 gam Methamphetamine; 25,47 gam MDMA; 19,72 gam Ketamine. Của Trần Trung H là 95,49 gam. Methamphetamine, 25,47 gam MDMA, 19,95 gam Ketamine, đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, chung thân, tử hình:

...

h) Có từ 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.”

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của những người bào chữa về việc xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt, bởi sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo hiểu biết pháp luật còn có phần hạn chế, các bị cáo Lò Thị T, Lò Văn R sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Ông, bà, bố, mẹ của các bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Thị T, Lò Văn R là có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trần Trung H của người bào chữa. Hội đồng xét xử, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H chỉ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo H không phải là người đã tích cực giúp đỡ cơ quan Điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Do đó việc đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H được hưởng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng và lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ông, bà, bố, mẹ của các bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6]. Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với: 05 gói Methamphetamine, khối lượng 92,84 gam; 03 túi gồm 66 viên MDMA, khối lượng 23,72 gam; 04 túi Ketamine, khối lượng 18,47 gam là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định; 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì thư của bưu điện, mặt trước gói niêm phong có ghi dòng chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo kết luận giám định số: 954/GĐ-PC09, ngày 09/10/2019 của phòng PC09-Công an tỉnh Điện Biên. Mặt sau đối diện tại mép dán có chữ ký giáp lai và ghi rõ họ tên của: Giàng A Tịnh, Trần Sỹ Nguyên và 02 hình dấu tròn đỏ của phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Ngoài cùng gói niêm phong được dán kín bằng lớp băng dính trắng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 ví giả da cá nhân màu đen, trên một mặt của ví có số và chữ dập chìm ghi: 1936 MAZDA. Ví đã cũ thu giữ của Trần Trung H, do H dùng làm phương tiện cất giấu ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo do các bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, số: IMEI: 359178077020775 điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Trung H; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị T; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 356716084412692 điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn R.

- Đối với 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK mang tên Trần Trung H, có số dập nổi ghi: 9704 0509 4728 1106; 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV mang tên Trần Trung H, có số dập nổi ghi: 5119 5703 4472 4108; 02 (hai) giấy phép lái xe đều mang tên Trần Trung H; 01(một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Trung H không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Trần Trung H.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do bị cáo Lò Thị T và Lò Văn R đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị T và Lò Văn R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Trung H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về các vấn đề liên quan khác: Đối với Lò Thị H1 là người bị cáo Trần Trung H khai mua hộ ma túy cho H và bị cáo Lò Văn R khai bị cáo gửi chiếc xe máy dùng vận chuyển ma túy nhưng không nhớ biển số chỗ Lò Thị H1. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập xác minh nhưng Lò Thị H1 không có mặt tại nơi cư trú. Nên chưa điều tra xác minh làm rõ được, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ. Bị cáo Lò Thị T khai Vì Thị N là người giới thiệu một người phụ nữ tên là D đặt mua ma túy của T, quá trình điều tra không đủ chứng cứ chứng minh N tham gia mua bán ma túy, nên không đề cập xử lý trong vụ án. Bị cáo Lò Văn R khai người đàn ông tên là H2 đã bán ma túy cho R và bị cáo Lò Thị T khai là người phụ nữ đặt mua ma túy của T, tên là D. Do R và T đều không biết rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ của H2, D nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Thị T, Trần Trung H, Lò Văn R đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lò Thị T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ (03/10/2019).

2.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ (03/10/2019).

2.3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn R 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ (03/10/2019).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 92,84 gam Methamphetamine, 23,72 gam MDMA, 18,47 gam Ketamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì thư của bưu điện, mặt trước gói niêm phong có ghi dòng chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo kết luận giám định số: 954/GĐ-PC09, ngày 09/10/2019 của phòng PC09-CAT Điện Biên. Mặt sau đối diện tại mép dán có chữ ký giáp lai và ghi rõ họ tên của: Giảng A Tịnh, Trần Sỹ Nguyên và 02 hình dấu tròn đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Ngoài cùng gói niêm phong được dán kín bằng lớp băng dính trắng.

- 01 (một) ví giả da cá nhân màu đen, đã cũ trên một mặt của ví có số và chữ dập chìm ghi: 1936 MAZDA.

** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, số: IMEI: 359178077020775 điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trần Trung H.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị T.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 356716084412692 điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn R.

** Trả lại cho bị cáo Trần Trung H:*

- 01(một) giấy Chứng minh thư nhân dân số: 040434009 mang tên Trần Trung H.

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng AGRIBANK mang tên Trần Trung H, có số đập nổi ghi: 9704 0509 4728 1106.

- 01(một) thẻ ATM của ngân hàng BIDV mang tên Trần Trung H, có số đập nổi ghi: 5119 5703 4472 4108.

- 02 (hai) giấy phép lái xe đều mang tên Trần Trung H.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 14/2/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Thị T, Lò Văn R. Buộc bị cáo Trần Trung H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2020)

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND tối cao);
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Bùi Thị Thu Hằng

